

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/KDTM-ST
Ngày: 20/8/2019
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;
2. Bà Nguyễn Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST-KDTM ngày 23/4/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2019/QĐXXST-KDTM ngày 03/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2019/QĐST-KDTM ngày 23/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Dịch vụ QC

Trụ sở: 36/1L tổ 7, ấp N, xã B, huyện H, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Quốc C, sinh năm 1968; Địa chỉ: 36/1L tổ 7, ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn – có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ NH

Trụ sở: 32 đường D, phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Phương M, sinh năm 1985 - (vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nam Hùng (gọi tắt là Công ty NH) và Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Dịch vụ QC (trước đây là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ C, nay gọi tắt là Công ty QC) có quan hệ hợp tác kinh doanh nhiều năm. Ngày 23/3/2015 hai bên có ký kết và cùng thực hiện việc hỗ trợ chi phí cho công trình vận chuyển cát từ sông Meekong Cambodia chuyển về Cảng Mỹ Thới-An Giang. Theo đó Công ty QC hỗ trợ cho Công ty NH số tiền là 200.000.000 đồng. Thực hiện việc thỏa thuận ngay sau khi hợp đồng số HĐ-04/2015/HĐKV ngày 23/3/2015, Công ty QC đã chuyển cho Công ty NH số tiền 100.000.000 đồng và hẹn ngay sau khi nhận được chứng thư bảo lãnh sẽ thanh toán đợt 2 số tiền còn lại (100.000.000 đồng). Hai bên thỏa thuận trong thời hạn một tháng kể từ ngày ký hợp đồng HĐ-04/2015/HĐKV (kể từ ngày 23/3/2015) nếu không mở được chứng thư bảo lãnh thanh toán thì Công ty NH sẽ trả lại số tiền đã nhận 100.000.000 đồng (nhận vào ngày 23/3/2015) cho Công ty QC và bồi thường thiệt hại theo lãi suất ngân hàng ở thời điểm hiện tại. Thế nhưng từ đó cho đến nay Công ty NH chỉ trả lại 20.000.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng vẫn không trả lại, mặc dù phía Công ty QC nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả lại. Do vậy, Công ty QC khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty NH trả lại số tiền còn nợ 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vi phạm theo thỏa thuận là ngày 24/4/2015 tạm tính đến ngày 24/4/2019 là 60 tháng với mức lãi suất ngân hàng hiện tại là 2,2%/tháng là 48.000.000 đồng. Tổng số tiền là 128.000.000 đồng. Yêu cầu tính tiền lãi phát sinh cho đến ngày Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử.

(2) Bị đơn Công ty NH, không hợp tác với Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng phía bị đơn không có đại diện đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, xác định hiện tại Công ty NH chưa giải thể và đang hoạt động kinh doanh tại địa chỉ: 32 Dân Chủ, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù, đã được tổng đạt hợp lệ nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện của bị đơn Công ty NH tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Ông Lưu Quốc Cường đại diện theo pháp luật của Công ty QC điều chỉnh lại số tiền lãi đã yêu cầu, xác định số tiền lãi yêu cầu tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng là có sự nhầm lẫn, chưa chính xác. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty NH trả tiền lãi phát sinh từ khi vi phạm là ngày 24/4/2015 đến ngày tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2019) là hơn 64 tháng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi 64 tháng với mức lãi suất yêu cầu áp dụng hiện tại là 0,8%/tháng

(9,6%/năm), với số tiền lãi cụ thể là 38.400.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 118.400.000 đồng (gồm tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 38.400.000 đồng).

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp phía bị đơn Công ty NH đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa Công ty QC với Công ty NH phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nguyên đơn cung ứng dịch vụ nạo vét và vận chuyển cát sông, khách hàng là Công ty NH. Để đảm bảo được giao thầu, nguyên đơn đã ký bản thỏa thuận và chuyển giao cho bị đơn số tiền đợt 01 là 100.000.000 đồng, tuy nhiên phía nguyên đơn vẫn không nhận được chứng thư bảo lãnh để tiếp tục cung ứng dịch vụ, nên phát sinh tranh chấp giữa hai bên. Do vậy, đây là trường hợp tranh chấp hợp đồng dịch vụ, thuộc trường hợp được quy định tại Điều 74 Luật thương mại năm 2005. Công ty NH có trụ sở đăng ký hoạt động trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty NH vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, giữa Công ty QC với Công ty NH có quan hệ hợp tác đầu tư, giao khoán khai thác cát và phát sinh tranh chấp từ biên bản thỏa thuận giao, trả số tiền hỗ trợ chi phí cho công trình giữa hai bên. Theo đó, cùng ngày 32/3/2015 ký thỏa thuận phía Công ty QC đã giao Công ty NH số tiền hỗ trợ đợt 01 là 100.000.000 đồng, hẹn sau khi nhận được chứng thư bảo lãnh của hợp đồng số HĐ-04/2015/HĐKV sẽ giao tiếp

đợt 02 với số tiền 100.000.000 đồng còn lại, nếu quá thời hạn 01 tháng mà không nhận được chứng thư bảo lãnh thì phía bên Công ty NH cam kết sẽ trả lại số tiền đã nhận và bồi thường tiền lãi theo mức lãi suất hiện tại. Nguyên đơn thừa nhận sau khi thỏa thuận không thành, phía Công ty NH không trả đủ số tiền 100.000.000 đồng đã nhận, mà chỉ trả lại số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng, mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả lại. Xét thấy, biên bản thỏa thuận ngày 23/3/2015 được giao kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung thỏa thuận không trái pháp luật nên đã ràng buộc trách nhiệm giữa các bên thực hiện. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lại số tiền đã nhận còn lại 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất hiện tại là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu Công ty NH trả số tiền lãi 38.400.000 đồng, tính từ ngày 24/4/2015 đến ngày tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2019) là 64 tháng 26 ngày, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lãi 64 tháng với mức lãi suất yêu cầu áp dụng hiện tại là 0,8%/tháng (9,6%/năm), là phù hợp với số tiền và thời gian cách thức tính lãi đã thỏa thuận, phù hợp với khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 74, Điều 79, Điều 85 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 351, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ NH có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Dịch vụ QC số tiền 118.400.000 đồng (một trăm

mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 38.400.000 đồng.

Kể từ ngày 21/8/2019, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ NH phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc còn lại, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 5.920.000 đồng (năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) buộc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ NH phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Dịch vụ QC số tiền tạm ứng án phí 3.200.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0013331 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Dịch vụ QC được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ NH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký tên và đóng dấu

Cao Văn Thiên